

Số: 2216./QĐTN- CDCQ

TP Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2007

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ quyết định số 153/2003/QĐ – TTG ngày 30/07/2003 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành “ Điều lệ trường Đại học “;

Căn cứ quyết định số 25/2006 QĐ - BGD & ĐT ngày 26/ 06/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy Chế Đào Tạo Đại học & Cao đẳng hệ chính quy;

Căn cứ theo biên bản xét tốt nghiệp của Ban chủ nhiệm khoa Thủy Sản ngày 25/12/2007, Khoa Cơ Khí ngày 12/12/2007;

Theo đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp nhà trường ngày 31/12/2007.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Nay công nhận tốt nghiệp hệ Cao đẳng chính qui 37 sinh viên khóa 2004 ngành Thủy Sản và Cơ Khí

Gồm: CD04CS : 36 sinh viên
CD04CI : 1 sinh viên
(Có danh sách kèm theo)

Điều 2 : Các sinh viên có tên trong danh sách được nhận bằng tốt nghiệp Cao đẳng chính qui theo đúng qui chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành sau khi đã hoàn tất các thủ tục cần thiết cho nhà trường .

Điều 3. Các Ông Trưởng phòng Đào tạo, chủ nhiệm Khoa, các đơn vị có liên quan và những sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này .

Nơi gửi :

- Bộ GDĐT
- Lưu TCHC, ĐT
- Các Khoa



TS. TRỊNH TRƯỜNG GIANG

Bộ Giáo dục và Đào tạo
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
TP Hồ Chí Minh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP HỆ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY KHOA 2004
NGÀNH: THỦY SẢN, CƠ KHÍ

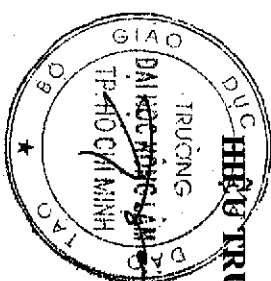
Theo quyết định số : 2216

Ngày 31 tháng 12 năm 2007

Stt	Mã SSV	Họ	Tên	Phái	Ngày Sinh	Nơi Sinh	Dân Tộc	Lớp	Điểm TB	Xếp loại	Số vào sổ
1	104344003	Nguyễn Thị Bích	Chi	✓	170885	Long An	Kinh	CD04CS	6,69	TB Khá	2007/43
2	1043336048	Nguyễn Hùng	Cường	✓	300384	Quảng Bình	Kinh	CD04CS	5,98	TB Bình	2007/44
3	1043336004	Phạm Gia	Diệp	✓	200184	Hà Tĩnh	Kinh	CD04CS	6,94	TB Khá	2007/45
4	1043336009	Hoàng Phúc Đăng	Giao	✓	051086	Lâm Đồng	Kinh	CD04CS	7,11	Khá	2007/46
5	1043336008	Nguyễn Văn	Giáp	✓	190984	Hà Tĩnh	Kinh	CD04CS	6,29	TB Khá	2007/47
6	1043336010	Nguyễn Thị Kim	Hải	✓	171186	Tiền Giang	Kinh	CD04CS	7,25	Khá	2007/48
7	1043336011	Trần Lâm Hồng	Hạnh	✓	160786	Quảng Nam	Kinh	CD04CS	6,00	TB Khá	2007/49
8	1043336012	Đoàn Thị Thu	Hiên	✓	080485	Quảng Bình	Kinh	CD04CS	7,25	Khá	2007/50
9	1043336051	Nguyễn Xuân	Hùng	✓	150386	Bình Định	Kinh	CD04CS	6,64	TB Khá	2007/51
10	1043336061	Nguyễn Hữu	Hung	✓	041186	Thanh Hoá	Kinh	CD04CS	7,02	Khá	2007/52
11	1043336013	Lê Thị Khánh	Hòa	✓	261086	Hà Tĩnh	Kinh	CD04CS	6,57	TB Khá	2007/53
12	1043336068	Nguyễn Thị Kim	Liên	✓	010585	Quảng Nam	Kinh	CD04CS	7,19	Khá	2007/54
13	1043336071	Trần Công	Linh	✓	090884	Thừa Thiên Huế	Kinh	CD04CS	6,68	TB Khá	2007/55
14	1043336078	Hồ Thị Hồng	Mai	✓	100885	Bình Định	Kinh	CD04CS	6,64	TB Khá	2007/56
15	1043336018	Phạm Tuấn	Minh	✓	041083	Bắc Giang	Kinh	CD04CS	6,94	TB Khá	2007/57
16	1043336019	Chữ Thi	Ngân	✓	171183	Hải Dương	Kinh	CD04CS	6,27	TB Khá	2007/58
17	1043336020	Nguyễn Đại	Ngĩa	✓	310383	Lâm Đồng	Kinh	CD04CS	6,44	TB Khá	2007/59
18	1043336080	Du Nghĩa	Nhon	✓	070486	Tây Ninh	Kinh	CD04CS	5,78	TB Bình	2007/60
19	1043336021	Hoàng	Nhat	✓	030686	TP Hồ Chí Minh	Kinh	CD04CS	7,23	Khá	2007/61
20	1043336046	Lê Trần Cẩm	Nhung	✓	160584	Cà Mau	Kinh	CD04CS	5,88	TB Bình	2007/62
21	1043336073	Dương Thị Phi	Ni	✓	080386	Bình Định	Kinh	CD04CS	6,81	TB Khá	2007/63
22	1043336022	Trần Thị Kim	Oanh	✓	240185	Hà Tĩnh	Kinh	CD04CS	6,36	TB Khá	2007/64
23	1043336023	Nguyễn Thị Thanh	Phuong	✓	101186	Quảng Ngãi	Kinh	CD04CS	7,13	Khá	2007/65
24	1043336024	Nguyễn Thị Hồng	Phi	✓	280884	Quảng Nam	Kinh	CD04CS	6,99	TB Khá	2007/66

Chủ tịch Hội đồng

Stt	Mã SSV	Họ	Tên	Phái	Ngày Sinh	Nơi Sinh	Dân Tộc	Lớp	Điểm TB	Xếp loại	Số vào sổ
25	04336025	Dương Thị Ngọc	Phượng / N	N	260885	Tiền Giang	Kinh	CD04CS	6.62	TB Khá	2007/67
26	04336028	Châu Điện Minh	Phụng /		141184	Cần Thơ	Kinh	CD04CS	5.91	TB Bình	2007/68
27	04336081	Thái Thị	Sinh / N	N	100284	Nghệ An	Kinh	CD04CS	6.38	TB Khá	2007/69
28	04336032	Lê Quang	Thăng /		170886	Đồng Nai	Kinh	CD04CS	7.01	Khá	2007/70
29	04336033	Lê Hồng	Thắm / N	N	010585	Đồng Nai	Kinh	CD04CS	7.62	TB Khá	2007/71
30	04344020	Nguyễn Thị Như	Thanh / N	N	221086	Tiền Giang	Kinh	CD04CS	6.39	TB Khá	2007/72
31	04336079	Phạm Trần Huyền	Trang / N	N	161086	Đà Nẵng	Kinh	CD04CS	7.57	Khá	2007/73
32	04336062	Vũ Văn	Tuyền /		180484	Quảng Ninh	Kinh	CD04CS	6.97	TB Khá	2007/74
33	04336056	Nguyễn Tư	Tuyền /		050284	Nghệ An	Kinh	CD04CS	6.20	TB Khá	2007/75
34	04336057	Phan Thị	Tuyết /		201185	Hà Tĩnh	Kinh	CD04CS	6.83	TB Khá	2007/76
35	04336043	Nguyễn Phước Kim	Yến / N	N	181286	Bình Dương	Kinh	CD04CS	6.26	TB Khá	2007/77
36	04336044	Nguyễn Thị Bích	Yến / N	N	020884	Đồng Nai	Kinh	CD04CS	6.63	TB Khá	2007/78
37	04344007	Trần Thanh	Hoàng		100783	Bình Định	Kinh	CD04CI	6.23	TB Khá	2007/79



HIỆU TRƯỞNG

TS. TRINH TRƯỜNG GIANG